

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-3-2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 500/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/02/2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1988.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu Ph, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu Ph, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Đ được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 28/12/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng sống xa cách nên không còn tình cảm. Anh Đ đi du học từ năm 2017 sau đó ở lại Nhật Bản làm việc cho đến nay chưa về nước. Trong thời gian đó Anh Đ có về phép một hai lần nhưng anh chị không gặp nhau, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn Anh Đ theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Lê Thị Cẩm Tr, sinh ngày 29/11/2013, hiện con đang ở với chị. Chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con tròn 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu Anh Đ phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Bích H (bố, mẹ đẻ Anh Đ) thể hiện: Anh Đ hiện đang lao động tại Nhật Bản, địa chỉ cụ thể ông bà không biết, nhưng Anh Đ thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho Anh Đ biết. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn, năm 2017 anh đi du học tại Nhật Bản nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, anh tìm các biện pháp cải thiện quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ lâu không ai quan tâm đến ai. Chị D có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Về con chung: Do anh đang làm việc ở nước ngoài nên anh đề nghị giao con chung cho Chị D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do anh chị tự thống nhất thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Tài sản chung không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Đ và Chị D sinh sống tại địa phương, do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau. Cuối năm 2022 Chị D đi khỏi gia đình Anh Đ, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay Chị D có ly hôn Anh Đ, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Con chung Lê Thị Cẩm Tr có nguyện vọng được ở với mẹ là Nguyễn Thị D.

Tại phiên tòa: Chị D vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Đ vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Lê Văn Đ. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Cẩm Tr, sinh ngày 29/11/2013 cho Chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị D không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Lê Văn Đ có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại khu Ph, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án, Chị D và gia đình ông T, bà H không biết địa chỉ cụ thể của Anh Đ ở nước ngoài. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, gửi các văn bản tố tụng cho gia đình Anh Đ để thông báo cho Anh Đ biết việc Chị D khởi kiện ly hôn. Anh Đ đã biết nhưng không gửi quan điểm bằng văn bản về cho Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương hoặc gia đình để giao nộp cho Tòa án. Tại phiên tòa Chị D vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Anh Đ vắng mặt lần thứ hai. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D và Lê Văn Đ được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 28/12/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng sống xa cách nên không còn tình cảm. Năm 2017, Anh Đ đi du học và ở lại Nhật Bản làm việc, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị D có đơn xin ly hôn, Anh Đ

cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa Chị D và Anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Lê Văn Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn Đ có 01 con chung là Lê Thị Cẩm Tr, sinh ngày 29/11/2013, hiện con đang ở với Chị D. Chị D có nguyện vọng nuôi con, Anh Đ đang ở nước ngoài và nhất trí giao con chung cho Chị D nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự ổn định của và phát triển mọi mặt của con chung, HĐXX giao con chung Lê Thị Cẩm Tr cho Chị D chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị D không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn Đ cùng xác định vợ chồng không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị D** được ly hôn anh **Lê Văn Đ**.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Nguyễn Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Thị Cẩm Tr, sinh ngày 29/11/2013 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị D không yêu cầu Anh Đ phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0000268 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Lê Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường N, thành phố H (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân